TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 5 - 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chiên và bà Trần Thị Bích Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Lưỡng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Công M, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện đang cải tạo tại Trại giam T, huyện H, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Công M kết hôn ngày 16/12/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng gia đình anh M, ban đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến khoảng tháng 4/2015 anh M nói đi làm ăn xa, từ đó anh M không lần nào về nhà và không quan tâm hay có trách nhiệm gì với gia đình, tháng 8/2016 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Tháng 6/2017 chị được biết anh M bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh M đang cải tạo tại Trại giam T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Công M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như chị S trình bày là đúng, anh đồng ý ly hôn chị S.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị S trình bày. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về giao nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Công M; anh M có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh M đang cải tạo tại Trại giam T, huyện H, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ. Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ đồng thời anh M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S và anh Đỗ Công M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh M không chịu làm ăn chân chính và không có trách nhiệm với gia đình, từ tháng 4/2015 đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau, chị S xin ly hôn anh M cũng đồng ý. Do vậy, hôn nhân của chị S và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị S cho chị S được ly hôn anh M là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị S, anh M xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016 hiện đang ở với chị S. Ly hôn, anh chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị S, anh M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Phạm Thị S được ly hôn anh Đỗ Công M

2. Giao cho chị Phạm Thị S tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016. Anh Đỗ Công M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Chị Phạm Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0003008 ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, chị S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu